

*

Số 54-BC/UBKTHU

BÁO CÁO

Kết quả công tác tháng 4 và phương hướng, nhiệm vụ tháng 5 năm 2023

I. Kết quả công tác của UBKT Huyện ủy Bảo Lâm:

1. Tham mưu, thực hiện nhiệm vụ cấp ủy:

- Thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao;
- Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và của Ban Thường vụ Huyện ủy.
- Tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy triển khai 01 cuộc giám sát chuyên đề đối với (01 Đảng ủy; 02 đảng viên)

Nội dung giám sát: Giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai, thực hiện việc kê khai tài sản.

Kết quả kiểm tra: đang tiến hành giám sát.

2. Thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định:

a. Kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm:

- Ủy ban Kiểm tra huyện ủy đã tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 01 đảng viên (bí thư chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã).

Kết quả: đã hoàn thành và đã tiến hành thi hành kỷ luật với hình thức khai trừ.

b. Giải quyết đơn thư tố cáo:

- Trong tháng, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy nhận được 01 đơn thư tố cáo đang tiến hành giải quyết.

c. Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng:

Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát 02 cuộc đối với (01 Đảng ủy; 01 Chi bộ cơ sở)

Kết quả kiểm tra: đang tiến hành kiểm tra.

d) Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ thi hành kỷ luật đảng

Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã tiến hành kiểm tra cấp dưới thực hiện nhiệm vụ thi hành kỷ luật đảng 02 cuộc đối với (01 Đảng ủy; 01 Chi bộ cơ sở)

Kết quả kiểm tra: đang tiến hành kiểm tra.

e) Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra tài chính đảng

Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã tiến hành kiểm tra tài chính đảng 1 cuộc đối với 01 Đảng ủy xã.

Kết quả kiểm tra: đang tiến hành kiểm tra.

f. Giám sát chuyên đề:

- UBKT Huyện ủy chưa triển khai.

3. Thực hiện một số nhiệm vụ khác:

- Phân công các thành viên của Ủy ban Kiểm tra đi địa bàn nắm tình hình hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng.

- Hướng dẫn tổ chức tập huấn các văn bản cho các tổ chức cơ sở đảng về nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng.

- Tham mưu cho Huyện ủy Báo cáo tổng hợp 10 năm thực hiện Chỉ thị 33/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát kê khai tài sản*”.

- Xây dựng dự thảo báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, “*về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng*”.

II. Phương hướng, nhiệm vụ tháng 4 năm 2023:

1. Chủ động nắm tình hình của các tổ chức đảng và đảng viên trên cơ sở đó thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra theo quy định.

2. Xem xét và đề nghị xử lý kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm (nếu có) theo thẩm quyền.

3. Thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao.

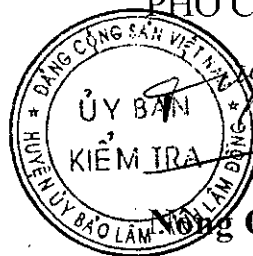
4. Triển khai các cuộc kiểm tra, giám sát theo chương trình kế hoạch đề ra.

Trên đây là báo cáo công tác kiểm tra tháng 4/2023 và phương hướng nhiệm vụ tháng 5/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Lâm./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (để báo cáo),
- Ban Thường vụ Huyện ủy (để báo cáo),
- Các Tổ chức cơ sở Đảng,
- Lưu VPHU.

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Quang Hưng



THÔNG KÊ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Tháng 4 năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số 54-BC/UBKTHU, ngày 10 tháng 4 Năm 2023)

TT	Nhiệm vụ	Tổng cộng	Nhiệm vụ đã hoàn thành trong kỳ			
			Cấp Trung ương	Cấp tỉnh và tương đương	Cấp huyện và tương đương	Cấp cơ sở
1	2	2A	3	4	5	6
I	KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP VÀ CHI BỘ					
a	Kiểm tra theo Điều 30 Điều lệ Đảng					
aa	Số đảng viên được kiểm tra	-	-	-	-	-
ab	Là cấp ủy viên các cấp	-				
ac	Kết luận: Thực hiện tốt	-				
ad	Thực hiện chưa tốt	-				
ad	Trong đó: Có vi phạm, khuyết điểm	-				
ae	Phải thi hành kỷ luật	-				
ag	Đã thi hành kỷ luật	-				
ah	Số tổ chức đảng cấp dưới được kiểm tra	-	-	-	-	-
ai	Kết luận: Thực hiện tốt	-				
ak	Thực hiện chưa tốt	-				
al	Trong đó: Có vi phạm, khuyết điểm	-				
am	Phải thi hành kỷ luật	-				
an	Đã thi hành kỷ luật	-				
b	Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm					
ba	Số đảng viên được kiểm tra	-				
bb	Là cấp ủy viên các cấp	-				
bc	Kết luận: Đảng viên có vi phạm	-				
bd	Phải thi hành kỷ luật	-				
bd	Đã thi hành kỷ luật	-				
be	Là cấp ủy viên các cấp	-				
bg	Số tổ chức đảng được kiểm tra	-				
bh	Kết luận: Tổ chức đảng có vi phạm	-				
bi	Phải thi hành kỷ luật	-				
bk	Đã thi hành kỷ luật	-				
c	Giám sát chuyên đề					
ca	Số đảng viên được giám sát	-				
ch	Là cấp ủy viên các cấp	-				

cc	Kết luận: Số thực hiện tốt	-				
cd	Số có vi phạm, khuyết điểm	-				
cđ	Số chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm	-				
ce	Số tổ chức đảng được giám sát	-				
cg	Kết luận: Số thực hiện tốt	-				
ch	Số có vi phạm, khuyết điểm	-				
ci	Số chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm	-				
d	Thi hành kỷ luật					
da	Số đảng viên bị thi hành kỷ luật	-	-	-	-	-
db	Là cấp ủy viên các cấp	-				
dc	Hình thức kỷ luật: Khiển trách	-				
dd	Cảnh cáo	-				
dd	Cách chức	-				
de	Khai trừ	-				
dg	Xử lý khác đối với đảng viên	-	-	-	-	-
dh	Đình chỉ sinh hoạt đảng	-				
di	Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy	-				
dk	Xóa tên, cho rút	-				
dl	Xử lý pháp luật	-				
dm	Xử lý hành chính	-				
dn	Số tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật	-	-	-	-	-
do	Hình thức kỷ luật: Khiển trách	-				
dp	Cảnh cáo	-				
dq	Giải tán	-				
đ	Giải quyết tố cáo					
đa	Số giải quyết tố cáo đảng viên	-				
đb	Kết luận: Chưa có cơ sở kết luận	-				
đc	Tổ sai	-				
dd	Tổ đúng và đúng một phần	-				
dd	Trong đó: Đúng, có vi phạm	-				
đe	Phải thi hành kỷ luật	-				
đg	Đã thi hành kỷ luật	-				
đh	Số giải quyết tố cáo tổ chức đảng	-				
đi	Kết luận: Chưa có cơ sở kết luận	-				
đk	Tổ sai	-				
đl	Tổ đúng và đúng một phần	-				
đm	Trong đó: Đúng, có vi phạm	-				
đn	Phải thi hành kỷ luật	-				
đo	Đã thi hành kỷ luật	-				
e	Giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng					

ea	Số giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng viên	-				
eb	Kết quả: Giữ nguyên mức kỷ luật	-				
ec	Thay đổi mức kỷ luật	-				
ed	Trong đó: Tăng mức kỷ luật	-				
ed	Giảm mức kỷ luật	-				
ee	Xóa kỷ luật	-				
eg	Số giải quyết khiếu nại kỷ luật tổ chức đảng	-				
eh	Kết quả: Giữ nguyên mức kỷ luật	-				
ei	Thay đổi mức kỷ luật	-				
ek	Trong đó: Tăng mức kỷ luật	-				
el	Giảm mức kỷ luật	-				
em	Xóa kỷ luật	-				
II	KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA UBKT CÁC CẤP					
g	Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm					
ga	Số đảng viên được kiểm tra	1			1	
gb	Là cấp ủy viên các cấp	1			1	
gc	Kết luận: Số có vi phạm	1			1	
gd	Đến mức phải kỷ luật	1			1	
gđ	Đã thi hành kỷ luật	1			1	
ge	Là cấp ủy viên các cấp	1			1	
gh	Số tổ chức đảng được kiểm tra	-				
gi	Kết luận: Số có vi phạm	-				
gk	Phải thi hành kỷ luật	-				
gl	Đã thi hành kỷ luật	-				
h	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của TCD và UBKT cấp dưới	-				
ha	Kết luận: Số không có chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát	-				
hb	Số chưa làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát	-				
hc	Số chưa thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát	-				
hd	Số chưa làm tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động của UBKT	-				
hđ	Số chưa làm tốt việc lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của cơ quan UBKT cấp dưới	-				
he	Số vụ việc bị cấp kiểm tra rút hồ sơ để kiểm tra trực tiếp	-				
hg	Số vụ việc bị cấp kiểm tra yêu cầu: kiểm điểm; kiểm tra; giám sát	-				
hh	Số vụ việc bị cấp kiểm tra yêu cầu xem xét thi hành kỷ luật	-				
hi	Số vụ việc bị cấp kiểm tra yêu cầu hoàn thành kiểm tra, giám sát	-				
i	Tổng số tổ chức đảng cấp dưới được kiểm tra việc thi hành kỷ luật	-				
ia	Số đảng viên bị kỷ luật trong mốc thời gian kiểm tra	-				

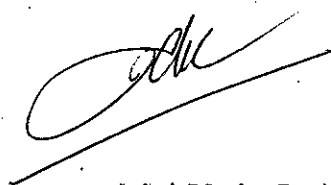
ib	Số tổ chức đảng bị kỷ luật trong mốc thời gian kiểm tra	-				
ic	Kết luận: Số làm tốt công tác thi hành kỷ luật	-				
id	Số chưa làm tốt công tác thi hành kỷ luật	-				
id	Số đảng viên bị kiến nghị tăng hình thức kỷ luật	-				
ie	Số tổ chức đảng bị kiến nghị tăng hình thức kỷ luật	-				
ig	Số đảng viên được kiến nghị giảm hình thức kỷ luật	-				
ih	Số tổ chức đảng được kiến nghị giảm hình thức kỷ luật	-				
ik	Số đảng viên được kiến nghị xóa kỷ luật	-				
il	Số tổ chức đảng được kiến nghị xóa kỷ luật	-				
k	Giám sát chuyên đề					
ka	Số đảng viên được giám sát	-				
kb	Là cấp ủy viên các cấp	-				
kc	Kết luận: Số có vi phạm, khuyết điểm	-				
kd	Số chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm	-				
kđ	Số tổ chức đảng được giám sát	-				
ke	Kết luận: Số có vi phạm, khuyết điểm	-				
kg	Số chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm	-				
l	Thi hành kỷ luật					
la	Số đảng viên bị thi hành kỷ luật	1	-	-	1	-
lb	Là cấp ủy viên các cấp	1			1	
lc	Hình thức kỷ luật: Khiển trách	-				
ld	Cảnh cáo	-				
lđ	Cách chức	-				
le	Khai trừ	1			1	
lg	Xử lý khác đối với đảng viên	-	-	-	-	-
lh	Đình chỉ sinh hoạt đảng	-				
li	Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy	-				
lk	Xử lý pháp luật	-				
lm	Xử lý hành chính	-				
ln	Số tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật	-	-	-	-	-
lo	Hình thức kỷ luật: Khiển trách	-				
lp	Cảnh cáo	-				
lq	Giải tán	-				
m	Giải quyết tố cáo					
ma	Số giải quyết tố cáo đảng viên	-				
mb	Kết luận: Chưa có cơ sở kết luận	-				
mc	Tổ sai	-				
md	Tổ đúng và đúng một phần	-				
mđ	Trong đó: Đúng, có vi phạm	-				

me	Phải thi hành kỷ luật	-			
mg	Đã thi hành kỷ luật	-			
mh	Số giải quyết tổ cáo tổ chức đảng	-			
mi	Kết luận: Chưa có cơ sở kết luận	-			
mk	Tổ sai	-			
mm	Tổ đúng và đúng một phần	-			
mn	Trong đó: Đúng, có vi phạm	-			
mo	Phải thi hành kỷ luật	-			
mp	Đã thi hành kỷ luật	-			
n	Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng				
na	Khiếu nại kỷ luật đảng viên	-			
nb	Giữ nguyên mức kỷ luật	-			
nc	Thay đổi mức kỷ luật	-			
nd	Trong đó: Tăng mức kỷ luật	-			
nd	Giảm mức kỷ luật	-			
ne	Xóa kỷ luật	-			
ng	Khiếu nại kỷ luật tổ chức đảng	-			
nh	Giữ nguyên mức kỷ luật	-			
ni	Thay đổi mức kỷ luật	-			
nk	Trong đó: Tăng mức kỷ luật	-			
nl	Giảm mức kỷ luật	-			
nm	Xóa kỷ luật	-			
o	Kiểm tra tài chính đảng về thu chi ngân sách và sản xuất kinh doanh				
oa	Số tổ chức đảng được kiểm tra	-			
ob	Trong đó: Số tổ chức đảng có vi phạm đến mức phải kỷ luật	-			
oc	Số đảng viên có vi phạm, khuyết điểm đến mức phải kỷ luật	-			
od	Số chuyển cơ quan pháp luật xử lý	-			
p	Kiểm tra tài chính đảng về việc thu, nộp, quản lý và sử dụng đảng phí				
pa	Số đảng viên được kiểm tra	-			
pb	Số đảng viên có vi phạm đến mức phải kỷ luật	-			
pc	Số tổ chức đảng được kiểm tra	-			
pd	Số tổ chức đảng có vi phạm đến mức phải kỷ luật	-			
pđ	Tổng số tiền vi phạm	-			
q	Tiếp nhận, xử lý đơn thư phản ánh, tố cáo				
qa	Số đơn thư phản ánh về đảng viên	-			
qb	Số đảng viên bị phản ánh đã thành lập đoàn giải quyết	-			
qc	Số đơn thư phản ánh về tổ chức đảng	-			
qd	Số tổ chức đã bị phản ánh đã thành lập đoàn giải quyết	-			

r	Xác minh tài sản, thu nhập theo Quyết định 56-QĐ/TW của Bộ Chính trị					
ra	Số đảng viên có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thuộc thẩm quyền quản lý	-				
rb	Số đảng viên được xác minh, tài sản, thu nhập	-				
rc	Kết luận: Số có vi phạm	-				
rc	Trong đó: Số có vi phạm đến mức phải kỷ luật	-				
rb	Số đã thi hành kỷ luật	-				

CÁN BỘ LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

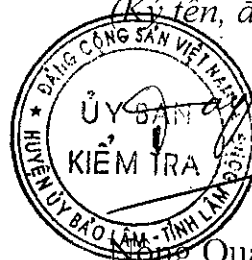


Mai Xuân Lợi

Bảo Lâm, ngày 10 tháng 4 năm 2023

T/M ỦY BAN KIỂM TRA

(Ký tên, đóng dấu)



Nông Quang Hưng